



Phụ lục 1: DANH MỤC CÁC VỊ TRÍ CHO THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG
(Kèm theo Thông báo số: 123 /TB-VQGPGQ ngày 27 /10 /2026 của Vườn Quốc gia Phú Quốc)

STT	Số vị trí	Diện tích (ha)		Vị trí (khoảnh, tiểu khu, phân khu, địa giới hành chính)	Hiện trạng rừng, điều kiện hạ tầng kỹ thuật và khả năng kết nối, tỷ lệ diện tích được phép xây dựng công trình	Yêu cầu doanh thu và phương án giá cho thuê	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư
		Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ				
11	11	53,11		Khoảnh 13 tiểu khu 56 và khoảnh 1 tiểu khu 68 - Phân khu Phục hồi sinh thái rừng đặc dụng Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố khu phố Đá Chông Bãi Thơm và khu phố Bãi Bồn Hàm Ninh, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, đất trống chưa có rừng, đất có cây nông nghiệp, giao thông và mặt nước (rạch/sông). Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng; có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 2%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
12	12	290,96		Khoảnh 3, 4, 5, 6, 10, 11 tiểu khu 69 phân khu Phục hồi sinh thái rừng đặc dụng Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố khu phố Cây Thông Trong Cửa Dương và khu phố Bến Tràm Cửa Dương, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, rừng lá rộng thường xanh chưa có trữ lượng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng; có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; khả năng đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước ở mức trung bình; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 2%	Giá cho thuê MTR 1%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
13	34	99,74		Khoảnh 2, 4 tiểu khu 60 phân khu Phục hồi sinh thái rừng đặc dụng Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Gành Dầu, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh trung bình, rừng lá rộng thường xanh nghèo, đất trống chưa có rừng và mặt nước. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng; thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 2%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng

STT	Số vị trí	Diện tích (ha)		Vị trí (khoảng, tiểu khu, phân khu, địa giới hành chính)	Hiện trạng rừng, điều kiện hạ tầng kỹ thuật và khả năng kết nối, tỷ lệ diện tích được phép xây dựng công trình	Yêu cầu doanh thu và phương án giá cho thuê	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư
		Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ				
14	35	30,29		Khoảng 4 tiểu khu 58 và khoảng 7 tiểu khu 55 phân khu Dịch vụ hành chính rừng đặc dụng Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Xóm Mới Bãi Thơm, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh giàu, rừng lá rộng thường xanh trung bình, rừng lá rộng thường xanh nghèo, đất trồng chưa có rừng và mặt nước. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng ở mức trung bình; thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
15	13		18,11	Khoảng 19 tiểu khu 75 và khoảng 2 tiểu khu 76 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố 10 Dương Đông và khu phố Cây Thông Ngoài Cửa Dương, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng ở mức trung bình; khả năng đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
16	14		50	Khoảng 4, 5 tiểu khu 76 và khoảng 2 tiểu khu 77 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố 7 Dương Đông và khu phố Suối Đá Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, rừng lá rộng thường xanh nghèo kiệt và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng ở mức trung bình; có khả năng đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
17	15		67,55	Khoảng 5 tiểu khu 76 và khoảng 2, 7 tiểu khu 77 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố 7 Dương Đông và khu phố Suối Đá Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, rừng lá rộng thường xanh nghèo kiệt và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng; có khả năng đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng

STT	Số vị trí	Diện tích (ha)		Vị trí (khoảnh, tiểu khu, phân khu, địa giới hành chính)	Hiện trạng rừng, điều kiện hạ tầng kỹ thuật và khả năng kết nối, tỷ lệ diện tích được phép xây dựng công trình	Yêu cầu doanh thu và phương án giá cho thuê	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư
		Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ				
18	16		44,57	Khoảnh 5, 6, 10 tiểu khu 77 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Suối Đá Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, rừng trồng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng; có khả năng đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
19	17		52,08	Khoảnh 1, 3, 4, 5 tiểu khu 77 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Suối Đá Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, rừng trồng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng; ít thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
20	18		61,39	Khoảnh 8, 9, 14, 16 tiểu khu 77 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc thuộc; khu phố Suối Mây Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, rừng trồng, đất trống chưa có rừng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng; thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 2%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
21	19		53,82	Khoảnh 12, 13, 15 tiểu khu 77 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc thuộc; khu phố Cửa Lấp Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng; có khả năng trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng

STT	Số vị trí	Diện tích (ha)		Vị trí (khoảnh, tiểu khu, phân khu, địa giới hành chính)	Hiện trạng rừng, điều kiện hạ tầng kỹ thuật và khả năng kết nối, tỷ lệ diện tích được phép xây dựng công trình	Yêu cầu doanh thu và phương án giá cho thuê	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư
		Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ				
22	20		55,36	Khoảnh 12, 13, 15 tiểu khu 77 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Suối Mây Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng lá rộng thường xanh nghèo và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng ở mức trung bình; có khả năng trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
23	21		50,8	Khoảnh 16 tiểu khu 77 và khoảnh 9, 10 tiểu khu 78 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Suối Mây Dương Tơ và khu phố Rạch Hàm Hàm Ninh, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, rừng trồng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng ở mức trung bình; thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
24	22		61,7	Khoảnh 8, 10, 11 tiểu khu 80 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc thuộc; khu phố Suối Lớn Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Rừng lá rộng thường xanh nghèo; Đất trống chưa có rừng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng, có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 2%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
25	23		52,44	Khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 79 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, đất trống chưa có rừng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng, có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 2%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng

STT	Số vị trí	Diện tích (ha)		Vị trí (khoảnh, tiểu khu, phân khu, địa giới hành chính)	Hiện trạng rừng, điều kiện hạ tầng kỹ thuật và khả năng kết nối, tỷ lệ diện tích được phép xây dựng công trình	Yêu cầu doanh thu và phương án giá cho thuê	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư
		Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ				
26	24		52,81	Khoảnh 2, 3, 4 tiểu khu 79 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Dương Tơ và khu phố Suối Lớn Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, đất trống chưa có rừng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng, có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 2%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
27	25		75,1	Khoảnh 4, 5, 6 tiểu khu 79 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Suối Lớn Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, đất trống chưa có rừng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng, có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 2%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
28	26		50,3	Khoảnh 6, 8 tiểu khu 79 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Suối Lớn Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, đất trống chưa có rừng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng, có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 2%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
29	27		119,03	Khoảnh 6, 7 tiểu khu 80 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Đường Bào Dương Tơ và khu phố Suối Lớn Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng lá rộng thường xanh nghèo và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng, có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; khả năng đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước ở mức trung bình; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng

STT	Số vị trí	Diện tích (ha)		Vị trí (khoảnh, tiểu khu, phân khu, địa giới hành chính)	Hiện trạng rừng, điều kiện hạ tầng kỹ thuật và khả năng kết nối, tỷ lệ diện tích được phép xây dựng công trình	Yêu cầu doanh thu và phương án giá cho thuê	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư
		Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ				
30	28		104,67	Khoảnh 10, 11, 12, 13 tiểu khu 79 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Suối Lớn Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, đất trống chưa có rừng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng, có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; ít thuận lợi trong việc đầu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
31	29		46,1	Khoảnh 14, 16 tiểu khu 79 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố Suối Lớn Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, giao thông và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng, có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; thuận lợi trong việc đầu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 2%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
32	30		63,45	Khoảnh 3 tiểu khu 81 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố 4 An Thới, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, đất trống chưa có rừng, giao thông, đất có cây nông nghiệp và đất khác. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng, có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; thuận lợi trong việc đầu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 2%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
33	31		44,81	Khoảnh 8, 10 tiểu khu 81 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc; thuộc khu phố 4 An Thới, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo, đất trống chưa có rừng và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng, có quỹ đất trống để bố trí công trình xây dựng; thuận lợi trong việc đầu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 2%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng

STT	Số vị trí	Diện tích (ha)		Vị trí (khoảng, tiểu khu, phân khu, địa giới hành chính)	Hiện trạng rừng, điều kiện hạ tầng kỹ thuật và khả năng kết nối, tỷ lệ diện tích được phép xây dựng công trình	Yêu cầu doanh thu và phương án giá cho thuê	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư
		Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ				
34	32		20,29	Khu 1: Hòn Xường 13,74 ha khoảng 14 tiểu khu 82 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc thuộc Hòn Xường khu phố Hòn Thơm, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng: Rừng lá rộng thường xanh nghèo kiệt, đất trống chưa có rừng, đất ngập nước biển khi thủy triều lên và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng; không thuận lợi trong việc đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
				Khu 2: Hòn Móng Tay 6,55 ha khoảng 19 tiểu khu 82 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc thuộc Hòn Móng Tay khu phố Hòn Thơm, đặc khu Phú Quốc			
35	33		50	Khoảng 5, 6 tiểu khu 76 và khoảng 2, 7, 13 tiểu 77 rừng phòng hộ Vườn Quốc gia Phú Quốc thuộc khu phố 7 Dương Đông và khu phố Cửa Lấp Dương Tơ, đặc khu Phú Quốc	Hiện trạng rừng lá rộng thường xanh nghèo và đất có cây nông nghiệp. Vị trí có điều kiện xây dựng về kết cấu hạ tầng và khả năng đấu nối với hệ thống hạ tầng xung quanh về giao thông, điện, nước ở mức trung bình; tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5%	Giá cho thuê MTR 1,5%/doanh thu/năm	Công khai lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng
Tổng 25 vị trí		474,1	1194,38				
		1668,48					